

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-PT.

Ngày: 11/01/2018.

V/v: “*T/c ly hôn, nuôi con chung
và chia tài sản chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thanh.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và ông Võ Công Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Hạnh .

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2017/DSPT ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung*” do bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 237/2017/HNGĐ-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định bị kháng cáo:

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2017/QĐPT ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T.T – sinh năm 1978, có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B – sinh năm 1969, có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T.T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 31/3/1999. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng. Năm 2003 vợ chồng chị xây nhà ở riêng tại Thôn Đ, xã P, huyện T, đến năm 2008, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vì anh B thường xuyên uống rượu về chửi mắng, dùng lời lẽ không hay xúc phạm chị. Có lần anh B còn lấy xăng đốt rèm cửa, hăm dọa đốt nhà làm mẹ con chị lo sợ. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi mà tình trạng này thường xuyên lặp đi lặp lại. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn C. K, sinh ngày 04/02/2001 và Nguyễn T. T, sinh ngày 0/6/2007. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị và anh B có 01 ngôi nhà hai tầng được xây dựng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 39, diện tích 103,7m² tọa lạc tại Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Chị thống nhất nhà và đất có giá trị như kết quả đã định giá là 679.988.000đ. Chị yêu cầu được nhận nhà đất và thanh toán lại ½ giá trị căn nhà là 348.994.000đ cho anh B.

Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2017 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Anh thừa nhận đôi khi anh cũng có sai phạm dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, lý do là sau khi sinh con thứ hai chị T đã nhiều lần xúc phạm anh, làm anh bị tổn thương, khi trong người có hơi men anh không kiềm chế được hành vi của mình, xúc phạm đến chị T. Anh cũng đã nhận lỗi nên làm bản cam kết sửa sai và thực tế từ khi làm bản cam kết đến nay, anh luôn thực hiện đúng lời hứa, đồng thời luôn lo lắng công việc gia đình và các con. Ngoài ra, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì khác. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Nếu Tòa giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung Nguyễn C. K, sinh ngày 04/02/2001 và Nguyễn T. T, sinh ngày 0/6/2007 và không yêu cầu chị Trà cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn anh yêu cầu được nhận nhà được xây dựng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 39, diện tích 103,7m² tọa lạc tại Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và thanh toán lại ½ giá trị căn nhà là 348.994.000đ cho chị T.

Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Bản án dân Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số: 237/2017/HNGĐ ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10//2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. T kháng cáo yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B; yêu cầu được nuôi 02 con chung, anh B phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ; Chia tài sản chung của vợ chồng, chị yêu cầu được nhận nhà và đất ở đồng thời thanh toán lại cho anh B $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T.T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.T vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B; được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T.T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/1999 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Chị T kháng cáo yêu cầu được ly hôn với anh B, vì cho rằng anh B sau khi sử dụng bia rượu thường có những lời nói và hành động không đúng mực với vợ con, điều này cũng được anh B thừa nhận. Tuy nhiên, anh B nhận biết khắc phục, sửa sai để cùng chị T xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con. Hơn nữa, qua xác minh thực tế tại địa phương nơi anh B và chị T sinh sống cho thấy, vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống chung vẫn còn tồn tại, anh B mong muốn được đoàn tụ với chị T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014. Nên Hội đồng xét

xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T.T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về con chung và tài sản chung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của chị T yêu cầu được ly hôn với anh B, nên chưa xem xét đến việc con chung và tài sản chung của vợ chồng anh chị là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Áp dụng quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị T yêu cầu được nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng là có cơ sở.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. T đối với anh Nguyễn Văn B.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T.T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006982 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện Tuy Phước
- TAND huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoài Thanh

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa